

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành  
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hồ Bền Bằng, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp hồ Bền Bằng, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3159/STC-ĐT ngày 24/6/2020, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán ngày 23/6/2020 và Tờ trình số 69/TTr-SNN&PTNT ngày 12/5/2020 (kèm theo hồ sơ) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị phê duyệt quyết toán công trình sửa chữa, nâng cấp hồ Bền Bằng, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành.

**Tên công trình:** Sửa chữa, nâng cấp hồ Bền Bằng, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy.

**Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Địa điểm xây dựng:** Xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy.

**Thời gian khởi công - hoàn thành:** Ngày 28/5/2019 - 20/12/2019.

**Điều 2. Kết quả đầu tư.**

## 1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: Đồng

| Nguồn vốn                             | Dự toán công trình được duyệt điều chỉnh lần cuối | Giá trị phê duyệt quyết toán | Thực hiện            |                         |
|---------------------------------------|---|------------------------------|----------------------|-------------------------|
|                                       |   |                              | Số vốn đã thanh toán | Số vốn còn phải thu hồi |
| <b>Tổng số</b>                        | <b>7.684.738.000</b>                              | <b>7.584.880.000</b>         | <b>7.627.556.000</b> | <b>42.676.000</b>       |
| <i>Nguồn vốn ngân sách Trung ương</i> | 7.684.738.000                                     | 7.584.880.000                | 7.627.556.000        | 42.676.000              |

## 2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: Đồng

| Nội dung   | Dự toán công trình được duyệt điều chỉnh lần cuối | Giá trị quyết toán   |
|--|---|----------------------|
| <b>Tổng số</b>                                     | <b>7.684.738.000</b>                              | <b>7.584.880.000</b> |
| - Chi phí xây dựng (gồm cả chi phí hạng mục chung) | 6.671.009.000                                     | 6.663.734.000        |
| - Chi phí quản lý dự án                            | 139.200.000                                       | 139.200.000          |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD                              | 801.658.000                                       | 744.872.000          |
| - Chi phí khác                                     | 72.871.000  | 37.074.000           |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: Đồng

| Nội dung                            | Thuộc chủ đầu tư quản lý |         | Giao đơn vị khác quản lý |         |
|-------------------------------------|--------------------------|---------|--------------------------|---------|
|                                     | Giá trị thực tế          | Quy đổi | Giá trị thực tế          | Quy đổi |
| <b>Tổng số</b>                      |                          |         | <b>7.584.880.000</b>     |         |
| - Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |                          |         | 7.584.880.000            |         |
| - Tài sản ngắn hạn                  |                          |         |                          |         |

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tắt toán nguồn vốn và chi phí đầu tư là:

| Nguồn                                 | Số tiền (đồng)       | Ghi chú |
|---------------------------------------|----------------------|---------|
| <b>Tổng số</b>                        | <b>7.584.880.000</b> |         |
| <i>Nguồn vốn ngân sách Trung ương</i> | 7.584.880.000        |         |

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến đến ngày 28/4/2020 là:

|  |                    |             |
|--|--------------------|-------------|
| <b>a) Tổng nợ phải thu:</b>  | <b>397.595.000</b> | <b>đồng</b> |
| Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa:  | 389.195.000        | đồng        |
| + <i>Tạm giữ tiền bảo hành tại TK của đơn vị:</i>  | <i>364.176.000</i> | <i>đồng</i> |
| + <i>Tiền thu hồi phí thẩm tra quyết toán (đã nộp ngân sách Nhà nước tại Chứng từ số 04 ngày 09/6/2020):</i> | <i>25.019.000</i>  | <i>đồng</i> |
| Công ty TNHH một thành viên Thịnh An:  | 8.400.000          | đồng        |
| <b>b) Tổng nợ phải trả:</b>  | <b>354.919.000</b> | <b>đồng</b> |
| Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi Thanh Hóa:  | 20.478.000         | đồng        |
| Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Sông Đà:  | 334.441.000        | đồng        |

Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị tại Phụ lục kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị: Đồng*

| <b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b> | <b>Tài sản dài hạn/cổ định</b> | <b>Tài sản ngắn hạn</b> |
|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------|
| UBND huyện Cẩm Thủy                 | 7.584.880.000                  |                         |

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Hạch toán theo chế độ hiện hành.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác: Thanh toán theo chế độ hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**